

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Y học hình ảnh

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: LÊ TUẤN LINH

2. Ngày tháng năm sinh: 11/10/1977 ; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Tổ 20, Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): TS. Lê Tuấn Linh, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội- Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0914935028;
E-mail: linhdhyhn2017@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 09 năm 2008 đến nay: Giảng viên bộ môn Chẩn đoán hình ảnh, Trường ĐH Y Hà Nội

Từ tháng 08 năm 2011 đến tháng 03 năm 2017: Phó khoa Chẩn đoán hình ảnh - Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Từ tháng 03 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017: Phụ trách khoa Chẩn đoán hình ảnh - Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Từ tháng 12 năm 2017 đến tháng 02 năm 2021: Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh - Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Từ tháng 11 năm 2019 đến nay: Phó trưởng Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh- Trường Đại học Y Hà Nội

Từ tháng 03 năm 2021 đến nay: Giám đốc Trung tâm Chẩn đoán hình ảnh và Can thiệp điện quang - Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Từ tháng 03 năm 2021 đến nay: Trưởng Phòng khám đa khoa BV ĐHY HN cơ sở Quận Cầu Giấy

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh- Trường Đại học Y Hà Nội;

Giám đốc Trung tâm Chẩn đoán hình ảnh và Can thiệp điện quang - Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Trưởng Phòng khám đa khoa Bệnh viện Đại học Y Hà Nội cơ sở Quận Cầu Giấy

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Y Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 3852 3798

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 23 tháng 08 năm 2001; số văn bằng: B354504; ngành: Y khoa, chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Bác sĩ nội trú ngày 12 tháng 10 năm 2007; số văn bằng: C000363; ngành: Y khoa; chuyên ngành: Chẩn đoán hình ảnh; Nơi cấp bằng BSNT (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp Chứng chỉ đào tạo chuyên khoa ngành Chẩn đoán hình ảnh (chương trình FFI năm 2004-2005); Nơi cấp chứng chỉ (trường, nước): Đại học Y – Luật Lille 2, Pháp.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 17 tháng 09 năm 2009; số văn bằng: A003173; ngành: Y khoa ; chuyên ngành: Chẩn đoán hình ảnh; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 13 tháng 03 năm 2019; số văn bằng: 10094; ngành: Y khoa; chuyên ngành: Chẩn đoán hình ảnh; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa có

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Nghiên cứu áp dụng chẩn đoán hình ảnh chuyên sâu trong bệnh lý hệ thần kinh, ung thư và một số bệnh lý khác.

Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các kỹ thuật can thiệp tối thiểu dưới hướng dẫn của hình ảnh để hỗ trợ chẩn đoán và điều trị bệnh lý sỏi mật, hệ bạch huyết và một số bệnh lý khác.

Nghiên cứu phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong chẩn đoán hình ảnh.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã hướng dẫn 13 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 10, đề tài cấp cơ sở, cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp Quốc gia ;

- Đã công bố (số lượng) 94 bài báo khoa học, trong đó 31 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Số lượng sách đã xuất bản 03, trong đó 03 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Danh hiệu thi đua

| Năm | Danh hiệu thi đua | Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định |
|------------|--------------------------|---|
| 2020 | CSTĐ cơ sở | QĐ số 659/QĐ-ĐHYHN ngày 07/04/2021 của Trường Đại học Y Hà Nội |
| 2021 | CSTĐ cơ sở | QĐ số 560/QĐ-ĐHYHN ngày 25/03/2022 của Trường Đại học Y Hà Nội |
| 2022 | CSTĐ cơ sở | QĐ số 186/QĐ-ĐHYHN ngày 28/01/2023 của Trường Đại học Y Hà Nội |
| 2022 | CSTĐ cấp Bộ | QĐ số 2824/QĐ-BYT ngày 10/07/2023 của Trường Đại học Y Hà Nội |
| 2023 | CSTĐ cơ sở | QĐ số 69/QĐ-ĐHYHN ngày 09/01/2024 của Trường Đại học Y Hà Nội |

Bảng khen

| Năm | Hình thức khen thưởng | Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định |
|------------|---|---|
| 2012 | Bảng khen Bộ trưởng Bộ Y tế | QĐ số 2735/QĐ-BYT ngày 06/08/2012: Đã có nhiều thành tích trong quá trình xây dựng và phát triển nhà trường. |
| 2021 | Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang | QĐ số: 37/KT ngày 08/01/2021: Đã có thành tích xuất sắc trong hỗ trợ ngành Y tế tỉnh Hà Giang; Triển khai hoạt động khám chữa bệnh từ xa. |
| 2022 | Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang | QĐ số: 641 /KT ngày 12/05/2022: Đã có thành tích xuất sắc trong công tác hỗ trợ chuyên môn cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang. |
| 2022 | Bảng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế | QĐ số: 2133/QĐ-BYT ngày 02/08/2022: Đã có thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm học 2020-2021 |
| 2023 | Bảng khen của Ban chấp hành công đoàn giáo dục Việt Nam | QĐ số 302/QĐ-CĐN ngày 21/08/2023: Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ” năm 2022-2023 |

| Năm | Hình thức khen thưởng | Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định |
|------|---------------------------------|---|
| 2024 | Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế | QĐ số 558/QĐ-BYT ngày 11/03/2024: Đã có thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm học 2022-2023 |

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

1.1. Tiêu chuẩn của nhà giáo:

Tôi tự đánh giá có đủ tiêu chuẩn của nhà giáo quy định tại điều 70 của Luật Giáo dục, cụ thể:

- Đã được đào tạo đạt trình độ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ:
- + Có bằng tiến sĩ chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh, đúng chuyên ngành giảng dạy.
- + Có khả năng giao tiếp, nghiên cứu bằng tiếng Anh, Pháp.
- Là giảng viên Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh- trường Đại học Y Hà Nội, tôi luôn có trách nhiệm với sinh viên, nhà trường nơi mình đang tham gia giảng dạy.
- Có đủ phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo, luôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người học.
- Trung thực, khách quan và hợp tác với đồng nghiệp trong hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học và công nghệ.
- Có đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp.
- Lý lịch bản thân rõ ràng.

1.2. Nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi tự đánh giá đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao của nhà giáo:

- Là một giảng viên, phó trưởng Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh- trường Đại học Y Hà Nội, tôi luôn thực hiện đầy đủ và nghiêm túc công tác giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý, chương trình giáo dục, đảm bảo hoàn thành tốt nội dung và thời lượng tham gia trực tiếp vào đào tạo đại học và sau đại học.
- Tôi luôn tạo cảm hứng cho sinh viên theo chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh để phát triển chuyên khoa nhằm phục vụ cho người bệnh ngày một tốt hơn.
- Tham gia tích cực vào xây dựng chương trình đổi mới giáo dục đại học theo chuẩn đầu ra của trường Đại học Y Hà Nội.
- Tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, tham gia các hội nghị, hội thảo.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Tích cực tham gia vào công tác đào tạo, hỗ trợ cán bộ giảng viên đồng nghiệp trẻ, để tạo nguồn cán bộ giảng dạy kế tiếp có chất lượng chuyên môn cao, có đạo đức trách nhiệm tốt và tâm huyết với sự nghiệp đào tạo.

- Thực hiện tốt vai trò gương mẫu của giảng viên, phó chủ nhiệm bộ môn Chẩn đoán hình ảnh, kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm Chẩn đoán hình ảnh và can thiệp điện quang, kiêm nhiệm Trưởng phòng khám đa khoa Cầu Giấy, Bệnh viện ĐH Y Hà Nội: hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, kết hợp được tốt nhiệm vụ quản lý tại bệnh viện vào hỗ trợ công tác đào tạo như phân công các bác sĩ của đơn vị tham gia tích cực trong đào tạo của nhà trường.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 15 năm 10 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT | Năm học | Số lượng NCS đã hướng dẫn | | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp | | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|---|------------------------------------|-------|---|
| | | Chính | Phụ | | | ĐH | SĐH | |
| 1 | 2018-2019 | | | 0 | | 306 | 0 | 306/306/280 |
| 2 | 2019-2020 | | | 5 | | 225,6 | 302 | 527,6/577,6/280 |
| 3 | 2020-2021 | | | 2 | | 360 | 72,4 | 432,4/482,4/310 |
| 03 năm học cuối | | | | | | | | |
| 4 | 2021-2022 | | | 3 | | 315,2 | 124,1 | 439,3/589,3/310 |
| 5 | 2022-2023 | | | 3 | | 58,2 | 235,4 | 293,6/373,6/310 |
| 6 | 2023-2024 | | | 0 | | 93,4 | 265,1 | 358,5/358,5/310 |

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:

- a) Được đào tạo ở nước ngoài: Không
- b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: Không
- c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: Không
- d) Đối tượng khác: Không

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2 (APTIS ESOL) ngày 17/05/2024

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| STT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2 /BSNT | Đối tượng | | Trách nhiệm hướng dẫn | | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|-----|---|-----------|---------------|-----------------------|-----|------------------------------------|-------------------|---|
| | | NCS | HVCH/CK2/BSNT | Chính | Phụ | | | |
| 1 | Nguyễn Phương Lan | | CH27 | | ✓ | 2019-2020 | Trường ĐHY Hà Nội | Bằng Thạc sĩ y học cấp ngày 15/01/2021 |
| 2 | Nguyễn Duy Thái | | CH27 | | ✓ | 2019-2020 | Trường ĐHY Hà Nội | Bằng Thạc sĩ y học cấp ngày 15/01/2021 |
| 3 | Đình Văn Thu | | BSNT K43 | | ✓ | 2019-2020 | Trường ĐHY Hà Nội | Bằng thạc sĩ cấp ngày 21/01/2021 Bằng BSNT cấp ngày 08/11/2021 |
| 4 | Triệu Quốc Tính | | BSNT K43 | | ✓ | 2019-2020 | Trường ĐHY Hà Nội | Bằng thạc sĩ cấp ngày 21/01/2021 Bằng BSNT cấp ngày 08/11/2021 |
| 5 | Từ Đức Ngọc | | BSNT K43 | ✓ | | 2019-2020 | Trường ĐHY Hà Nội | Bằng thạc sĩ cấp ngày 21/01/2021 Bằng BSNT cấp ngày 08/11/2021 |
| 6 | Trịnh Hồng Nam | | CH28 | ✓ | | 2020-2021 | Trường ĐHY Hà Nội | Bằng Thạc sĩ y học cấp ngày 28/02/2022 |
| 7 | Trần Nguyễn Khánh Chi | | BSNT K44 | ✓ | | 2020-2021 | Trường ĐHY Hà Nội | Bằng thạc sĩ cấp ngày 08/03/2022 Bằng BSNT cấp ngày 20/10/2022 |

| | | | | | | | | |
|----|--------------------|--|----------|---|---|-----------|-------------------|--|
| 8 | Nguyễn Đăng Sơn | | BSNT K45 | ✓ | | 2021-2022 | Trường ĐHY Hà Nội | Bằng thạc sĩ cấp ngày 06/01/2023 Bằng BSNT cấp ngày 20/10/2023 |
| 9 | Chu Hồng Sơn | | BSNT K45 | ✓ | | 2021-2022 | Trường ĐHY Hà Nội | Bằng thạc sĩ cấp ngày 06/01/2023 Bằng BSNT cấp ngày 20/10/2023 |
| 10 | Nguyễn Văn Công | | BSNT K45 | ✓ | | 2021-2022 | Trường ĐHY Hà Nội | Bằng thạc sĩ cấp ngày 06/01/2023 Bằng BSNT cấp ngày 20/10/2023 |
| 11 | Lê Minh Trường | | CK2 K35 | ✓ | | 2022-2023 | Trường ĐHY Hà Nội | Bằng CKII cấp ngày 29/12/2023 |
| 12 | Ngô Thị Huyền | | BSNT K46 | ✓ | | 2022-2023 | Trường ĐHY Hà Nội | QĐ công nhận tốt nghiệp và cấp bằng số 7120/QĐ-ĐHYHN ngày 28/12/2023 |
| 13 | Lục Thị Huyền Ngọc | | BSNT K46 | | ✓ | 2022-2023 | Trường ĐHY Hà Nội | QĐ công nhận tốt nghiệp và cấp bằng số 7120/QĐ-ĐHYHN ngày 28/12/2023 |

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phân biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|----------|--|----------------------------|--------------------------------------|------------|---|---|--|
| I | Trước khi được công nhận TS | | | | | | |
| 1 | Chẩn đoán hình ảnh (Dùng cho đào tạo bác sĩ đa khoa) | GT | Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 2009 | 6 | PGS.TS Nguyễn Duy Huệ PGS.TS Phạm Minh Thông | Thư ký biên soạn | 1921/QĐ-ĐHYHN ngày 28/06/2011 |

| II Sau khi được công nhận TS | | | | | | | |
|-------------------------------------|---|----|--------------------------------------|----|-----------------------|--|--|
| 2 | Bệnh lý tuyến giáp trong thực hành lâm sàng | CK | Nhà xuất bản y học, 2022 | 26 | PGS.TS Vũ Bích Nga | Biên soạn (Chương II, từ trang 72 đến trang 133; Chương V từ trang 334 đến trang 340) | 3417/QĐ-ĐHYHN ngày 25/08/2021 ISBN: 978-604-66-5447-6 |
| 3 | Chẩn đoán hình ảnh cơ bản | GT | Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 2024 | 21 | PGS.TS.BS Vũ Đăng Lưu | Biên soạn/Thư ký biên soạn (Phần 1, bài 2 từ trang 23 đến trang 47; Phần 5, bài 35, bài 36, bài 37, bài 38, bài 39, bài 40, bài 41 từ trang 815 đến trang 899) | 4667/QĐ-ĐHYHN ngày 10/10/2023 ISBN: 978-604-0-42922-3 |

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|---|--|------------|----------------------|---------------------|---|
| Trước khi được công nhận Tiến sĩ | | | | | |
| 1 | Đặc điểm và giá trị của siêu âm, điện cơ trong chẩn đoán và theo dõi kết quả sau phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay tại bệnh viện Đại học Y Hà Nội | CN | Cấp cơ sở | 2013-2014 | 26/01/2016, Xếp loại: Xuất sắc |
| 2 | Xác định giá trị của cộng hưởng từ có tiêm thuốc đối quang vào ổ khớp trong chẩn đoán bệnh lý phần mềm khớp vai | Thành viên | Cấp cơ sở | 2014-2015 | 23/03/2018, Xếp loại: Xuất sắc |

| | | | | | |
|---------------------------------------|---|------------|-----------------------------------|-----------|-----------------------------------|
| 3 | Giá trị của các phương pháp chẩn đoán và xây dựng quy trình chẩn đoán u tuyến giáp | Thư ký | Cấp Bộ | 2014-2016 | 30/11/2016, Xếp loại: Khá |
| 4 | Nghiên cứu yếu tố nguy cơ, gánh nặng biến chứng, chẩn đoán, điều trị và dự phòng huyết khối tĩnh mạch sâu ở bệnh nhân phẫu thuật | Thành viên | ĐTĐL CN.53/16 Cấp Quốc gia | 2019-2020 | 11/05/2020, Xếp loại: Đạt |
| Sau khi được công nhận Tiến sĩ | | | | | |
| 5 | Đánh giá sự thay đổi giá trị ADC của mô tiền liệt tuyến lành tính: Nghiên cứu đa thời điểm trên nhiều máy cộng hưởng từ 1.5 TESLA | Thành viên | Cấp cơ sở | 2019-2020 | 30/08/2021, Xếp loại: Xuất sắc |
| 6 | Đánh giá hiệu quả phương pháp tiêm cồn tuyệt đối dưới hướng dẫn của chụp mạch số hóa xóa nền trong điều trị đau dây thần kinh V | CN | Cấp cơ sở | 2018-2019 | 07/02/2020, Xếp loại: Xuất sắc |
| 7 | Xây dựng quy trình kỹ thuật và đánh giá giá trị của siêu âm, cộng hưởng từ trong chẩn đoán một số tổn thương khớp vai thường gặp | Thành viên | Cấp Bộ | 2019-2021 | 08/04/2022, Xếp loại: Đạt |
| 8 | Nghiên cứu đánh giá rối loạn vận động và bài tiết một số bệnh lý dạ dày, thực quản. | TV | ĐTĐL.CN. 04/20 Cấp Quốc gia | 2020-2023 | 16/08/2023, Xếp loại: Đạt |
| 9 | Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật điều trị tán sỏi đường mật qua da bằng laser tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn | CN | Cấp tỉnh | 2021-2023 | 15/08/2023, Xếp loại: Xuất sắc |
| 10 | Đánh giá kết quả sớm của phương pháp can thiệp tán sỏi đường mật qua da bằng laser tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội | CN | Cấp cơ sở | 2018-2019 | 16/05/2024, Xếp loại: Đạt |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT | Tên bài báo khoa học | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí, kỷ yếu khoa học/ISSN/ISBN | Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Năm công bố |
|--|--|------------|------------------|--|--|--|-------------------------|-------------|
| Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu áp dụng chẩn đoán hình ảnh chuyên sâu trong bệnh lý hệ thần kinh, ung thư và một số bệnh lý khác | | | | | | | | |
| Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ | | | | | | | | |
| Các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế | | | | | | | | |
| 1 | La région paraclinoïdienne: anatomie descriptive et corrélations radiologiques en imagerie par résonance magnétique https://doi.org/10.1016/j.morpho.2010.11.001 | 10 | | Morphologie ISSN: 1286-0115 | Scopus: Q3; IF:1.455 CS: 2.3 (2023) | | 95, 308, 10-19 | 03/2011 |
| Các bài báo đăng trên tạp chí trong nước | | | | | | | | |
| 2 | Ung thư gan di căn đường mật: nhân một trường hợp và điểm lại y văn | 4 | | Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663 | | | Số 7(1073), trang 11-13 | 2018 |
| 3 | Giá trị của cộng hưởng từ trong xác định xâm lấn tại chỗ và di căn hạch vùng cổ của ung thư tuyến giáp | 5 | ✓ | Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663 | | | Số 6(1072), trang 12-14 | 2018 |

| | | | | | | | | |
|---|--|---|---|--|--|--|-------------------------|---------|
| 4 | Cập nhật chẩn đoán hình ảnh phân loại bướu nhân tuyến giáp lành tính và ác tính | 4 | | Tạp chí Nội tiết và đái tháo đường ISSN: 1859-4727 | | | Số 20, trang 130-135 | 2016 |
| 5 | Chiến lược xử lý con đầu quận thận https://doi.org/10.55046/vjrn.17.361.2014 | 2 | | Tạp Chí Điện Quang & Y học hạt nhân Việt Nam ISSN:1859-4832 | | | Số 17, trang 50-57 | 10/2014 |
| 6 | Giá trị của cắt lớp vị tính 6 đầu dò trong chẩn đoán giai đoạn ung thư dạ dày http://lib.yhn.edu.vn/bitstream/YHN/9357/1/cuc4052.pdf | 8 | | Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663 | | | Số 11(893), trang 91-93 | 2013 |
| 7 | So sánh giá trị của cộng hưởng từ khếch tán và chọc hút kim nhỏ trong chẩn đoán xác định ung thư tuyến giáp https://doi.org/10.55046/vjrn.13.301.2013 | 4 | ✓ | Tạp Chí Điện Quang & Y học hạt nhân Việt Nam ISSN:1859-4832 | | | Số 13, trang 173-179 | 08/2013 |
| 8 | Cộng hưởng từ tuyến vú ở bệnh nhân ung thư vú thể ản có di căn hạch nách https://doi.org/10.55046/vjrn.10.275.2012 | 5 | | Tạp chí điện quang Việt Nam ISSN:1859-4832 | | | Số 10, trang 365-369 | 12/2012 |
| 9 | Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh cộng hưởng từ của ung thư biểu mô ống tuyến vú | 3 | | Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663 | | | Số 12(799), trang 26-30 | 12/2011 |

| | | | | | | | |
|--|--|---|---|--|---|-------------------|---------|
| 10 | Giá trị của siêu âm trong chẩn đoán sỏi đường mật chính; nghiên cứu hồi cứu tại bệnh viện Việt Đức trong 2 năm 1998-1999 | 2 | ✓ | Tạp chí y học thực hành ISSN: 0866-7421 | | Số 10, trang 8-10 | 2001 |
| Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ | | | | | | | |
| Các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế | | | | | | | |
| 11 | A 32-Year-Old Man With Dyspnea and Stridor https://doi.org/10.1016/j.chest.2021.09.028 | 7 | | CHEST ISSN: 0012-3692 | Scopus: Q1, ISI, SCIE, PubMed, CS: 13.7 (2023) | 161, 3, 153-157 | 03/2022 |
| 12 | Primary hepatic neuroendocrine tumor https://doi.org/10.1530/EDM-20-0220 | 8 | ✓ | Endocrinology, Diabetes & Metabolism ISSN: 2398-9238 | Scopus: Q2, ISI, ESCI, PubMed, IF: 2.453 CS: 5.0 (2023) | 2021, 1, 1-7 | 06/2021 |
| 13 | Correlations between apparent diffusion coefficient values and histopathologic factors in breast cancer https://doi.org/10.7417/CT.2021.2318 | 6 | ✓ | La Clinica terapeutica ISSN: 0009-9074 E-ISSN: 1972-6007 | Scopus: Q3, PubMed, IF: 2.243 CS: 2.5 (2023) | 172, 3, 218-224 | 05/2021 |
| 14 | Cecum perforation due to a fish bone https://doi.org/10.1093/omcr/omab025 | 6 | | Oxford Medical Case Reports ISSN: 2053-8855 | Scopus: Q4, ISI, ESCI, PubMed, CS: 0.9 (2023) | 2021, 5, 174-176 | 05/2021 |

| | | | | | | | | |
|---|--|---|---|---|---|--|------------------------------|---------|
| 15 | A Case of Renal Inflammatory Pseudotumor Leading to Nephrectomy https://doi.org/10.1177/23247096211003224 | 6 | ✓ | Journal of investigative medicine high impact case reports E-ISSN: 2324-7096 | Scopus: Q3, ISI, ESCI, PubMed, IF: 1.2 CS: 1.9 (2023) | | 9, 1-5 | 03/2021 |
| 16 | Detecting Fetal Central Nervous System Anomalies Using Magnetic Resonance Imaging and Ultrasound https://doi.org/10.5455/medarh.2021.75.45-49 | 6 | ✓ | Medical Archives ISSN: 0350-199X | Scopus: Q3, PubMed, CS: 2.1 (2023) | | 75(1), 45-49 | 02/2021 |
| 17 | Enlarged accessory spleen after splenectomy mimicking a pancreas tumor https://doi.org/10.1016/j.ijscr.2020.12.037 | 6 | ✓ | International Journal of Surgery Case Reports ISSN: 2210-2612 | Scopus: Q3, ISI, ESCI, Pubmed, CS: 1.1 (2023) | | 78, 214-218 | 01/2021 |
| 18 | Value of Diffusion Weighted MRI with Quantitative ADC Map in Diagnosis of Malignant Thyroid Disease https://doi.org/10.3390/diagnostics9040129 | 9 | ✓ | Diagnostics ISSN: 2075-4418 | Scopus: Q2, ISI, SCIE, Pubmed, CS: 4.7 (2023) | | 9(4): 129,1-8 | 09/2019 |
| Các bài báo đăng trên tạp chí trong nước | | | | | | | | |
| 19 | Đánh giá đặc điểm hình ảnh và mối tương quan giữa tế bào đê mủi với viêm xoang trán trên cắt lớp vi tính đa dãy ở bệnh nhân viêm mũi xoang mạn tính https://doi.org/10.51298/vmj.v539i2.9825 | 3 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 539, số 2, trang 175-178 | 06/2024 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---|--|--|--|------------------------------|---------|
| 20 | Các loại dị dạng vách ngăn mũi trên cắt lớp vi tính đa dây ở bệnh nhân viêm mũi xoang mạn tính https://doi.org/10.51298/vmj.v539i2.9801 | 3 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 539, số 2, trang 81-84 | 06/2024 |
| 21 | Đặc điểm hình ảnh đường bạch huyết chính ở bệnh nhân tiểu đường cấp tự phát https://doi.org/10.51298/vmj.v535i1.8368 | 2 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 535, số 1, trang 141-144 | 02/2024 |
| 22 | Nghiên cứu các đặc điểm về kỹ thuật chụp cộng hưởng từ ống ngực chẩn đoán rò dưỡng chấp sau phẫu thuật ung thư tuyến giáp https://doi.org/10.51298/vmj.v534i1.8046 | 2 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 534, số 1, trang 126-130 | 01/2024 |
| 23 | Nghiên cứu mối liên quan giữa các đặc điểm hình ảnh tổn thương phổi Covid-19 trên CLVT ngực với giai đoạn bệnh https://doi.org/10.51298/vmj.v533i2.7982 | 3 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 533, số 2, trang 319-323 | 12/2023 |
| 24 | Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh viêm phổi COVID-19 trên phim cắt lớp vi tính ngực và mối liên quan với mức độ bệnh https://doi.org/10.51298/vmj.v533i1.7758 | 3 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 533, số 1, trang 232-236 | 12/2023 |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|---|--|--|--|-------------------------------|---------|
| 25 | Đặc điểm hình ảnh co thắt tâm vị trên chụp xquang baryt thực quản theo thời gian https://doi.org/10.51298/vmj.v532i2.7530 | 3 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 532, số 2, trang 53-57 | 11/2023 |
| 26 | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân nghi ngờ ung thư đường mật được sinh thiết trong lòng đường mật qua da tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội https://doi.org/10.51298/vmj.v532i1B.7503 | 3 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 532, số 1B, trang 166-170 | 11/2023 |
| 27 | Đặc điểm hình ảnh cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm thuốc đối quang từ qua hạch bẹn ở bệnh nhân rò dưỡng chấp sau phẫu thuật ung thư tuyến giáp https://doi.org/10.51298/vmj.v531i1B.7014 | 3 | | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 531, số 1B, trang 43-47 | 10/2023 |
| 28 | Khảo sát mối tương quan giữa kích thước khe niệu dục và khe cơ nâng với mức độ sa các cơ quan vùng chậu trên cộng hưởng từ động học sàn chậu https://doi.org/10.51298/vmj.v531i2.7158 | 2 | | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 531, số 2, trang 156-160 | 10/2023 |
| 29 | Imaging characteristics and predictive factors of complicated gastrointestinal foreign bodies in computed tomography https://doi.org/10.51298/vmj.v532i2.7396 | 4 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 532, số 2, trang 121-129 | 10/2023 |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|---|--|--|--|------------------------------|---------|
| 30 | Đặc điểm hình ảnh tổn thương phổi trên cắt lớp vi tính của những bệnh nhân hậu COVID-19 https://doi.org/10.51298/vmj.v528i1.5959 | 3 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 528, số 1, trang 41-44 | 07/2023 |
| 31 | Các yếu tố nguy cơ di căn hạch cổ của vùng thư biểu mô tuyến giáp thể nhú https://doi.org/10.51298/vmj.v523i1.4422 | 2 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 523, số 1, trang 112-115 | 02/2023 |
| 32 | Đánh giá giá trị của cộng hưởng từ trong chẩn đoán hẹp đường mật https://doi.org/10.51298/vmj.v521i1.3940 | 3 | | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 521, số 1, trang 40-45 | 12/2022 |
| 33 | Giá trị của phương pháp chụp cộng hưởng từ bạch mạch qua hạch bẹn trong chẩn đoán rò ống ngực https://doi.org/10.51298/vmj.v507i2.1391 | 4 | | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 507, số 2, trang 14-18 | 10/2021 |
| 34 | Giá trị của cộng hưởng từ thường quy trong chẩn đoán bệnh lý rách chóp xoay khớp vai http://tapchihcd.vn/index.php/yhcd/article/view/138 | 6 | | Y học cộng đồng ISSN: 2354-0613 | | | Tập 62, số 5, trang 53-61 | 06/2021 |
| 35 | Đánh giá giá trị cộng hưởng từ và siêu âm trong việc phát hiện một số bất thường sọ não của thai nhi | 3 | | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 494, số 1, trang 107-110 | 09/2020 |

| | | | | | | | | |
|--|---|----|---|---|---|--|------------------------------|---------|
| 36 | Giá trị của phân loại IOTA ANDEX trong siêu âm đánh giá khối u buồng trứng | 3 | | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 494, số 2, trang 184-187 | 09/2020 |
| 37 | Đánh giá vai trò của chụp cắt lớp vi tính trong bệnh lý dị dạng động tĩnh mạch não võ | 4 | | Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663 | | | Số 6(1135), trang 79-82 | 06/2020 |
| 38 | Đánh giá sự thay đổi giá trị ADC của mô tiền liệt tuyến lành tính: Nghiên cứu đa thời điểm trên nhiều máy cộng hưởng từ 1.5 Tesla | 3 | | Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663 | | | Số 3(1129), trang 75-78 | 03/2020 |
| 39 | Định lượng nhiễm mỡ gan bằng chuỗi xung dual echo trên cộng hưởng từ và một số nhận xét về mức độ gan nhiễm mỡ trên cộng hưởng từ so với siêu âm | 5 | | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 481, số 1, trang 3-7 | 08/2019 |
| Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các kỹ thuật can thiệp tối thiểu dưới hướng dẫn của hình ảnh để hỗ trợ chẩn đoán và điều trị bệnh lý sỏi mật, hệ bạch huyết và một số bệnh lý khác. | | | | | | | | |
| Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ | | | | | | | | |
| Các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế | | | | | | | | |
| 40 | An uncommon therapeutic option for a challenging cause of pleural effusion https://doi.org/10.1183/20734735.0014-2019 | 6 | ✓ | Breathe ISSN: 1810-6838, 2073-4735 | Scopus: Q3, ISI, ESCI, PubMed, IF: 1.414 CS: 2.9 (2023) | | 15(2), 69-76 | 06/2019 |
| 41 | Interventional Treatment of Lymphatic Leakage Post Appendectomy: Case Report https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/31198465/ | 12 | | Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences ISSN: 1857-9655 | Scopus: Q3, PubMed, CS: 1.3 (2021) | | 9(7), 1512-1515 | 05/2019 |

| | | | | | | | | |
|---|--|---|--|--|---|--|--------------------------|---------|
| 42 | Conventional digital subtractional vs non-invasive MR angiography in the assessment of brain arteriovenous malformation https://doi.org/10.1016/j.clineuro.2018.03.022 | 9 | | Clinical Neurology and Neurosurgery ISSN: 1872-6968 | Scopus: Q2, ISI, SCIE, PubMed, CS: 3.7 (2023) | | 169, 29-33 | 06/2018 |
| Các bài báo đăng trên tạp chí trong nước | | | | | | | | |
| 43 | Kết quả bước đầu điều trị suy tĩnh mạch nông chi dưới tại khoa Chẩn đoán hình ảnh Bệnh viện Đại học y Hà Nội https://doi.org/10.55046/vjrn.27.448.2017 | 6 | | Tạp chí điện quang Việt Nam ISSN:1859-4832 | | | Số 27, trang 18-22 | 3/2017 |
| 44 | Áp dụng kỹ thuật lấy máu siêu chọn lọc tĩnh mạch vùng đỉnh lượng PTH chẩn đoán bệnh lý cường cận giáp nguyên phát | 4 | | Tạp chí điện quang Việt Nam ISSN:1859-4832 | | | Số 16, trang 45-50 | 08/2014 |
| 45 | Điều trị phình động mạch chủ ngực bằng Stent phủ tại bệnh viện trường Đại học Y Hà Nội: nhân 3 trường hợp https://doi.org/10.55046/vjrn.8.217.2012 | 6 | | Tạp chí điện quang Việt Nam ISSN:1859-4832 | | | Số 8, trang 220-226 | 04/2012 |
| 46 | Điều trị dị dạng động tĩnh mạch thận bằng can thiệp nội mạch tại bệnh viện trường Đại học Y Hà Nội | 7 | | Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663 | | | Số 12 (799), trang 23-26 | 12/2011 |

| Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ | | | | | | | | |
|---------------------------------------|---|----|--|--|---|--|------------------|---------|
| Các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế | | | | | | | | |
| 47 | Minimally Invasive Treatment of Chyle Leak After Thyroidectomy and Cervical Lymph Node Dissection in Patients with Thyroid Carcinoma: Results of a Study Involving 36 Patients https://doi.org/10.2147/TCRM.S446113 | 10 | | Therapeutics and Clinical Risk Management ISSN: 1176-6336 | Scopus: Q2, ISI, SCIE, PubMed, CS: 5.3 (2023) | | 20, 75–82 | 2/2024 |
| 48 | Chylous ascites after donor nephrectomy: MR lymphangiography and lymphatic embolization treatment https://doi.org/10.1016/j.radcr.2022.12.013 | 10 | | Radiology Case Reports ISSN: 1930-0433 | Scopus: Q4, PubMed, CS: 1.1 (2023) | | 18(3), 1029-1032 | 1/2023 |
| 49 | Management of chyluria using percutaneous thoracic duct stenting https://doi.org/10.1186/s42155-022-00333-y | 7 | | CVIR Endovascular ISSN: 2520-8934 | Scopus: Q3, ISI, ESCI, PubMed, CS:2.3 (2023) | | 5:54, 1-5 | 12/2022 |
| 50 | Percutaneous Transhepatic Cholecystolithotomy by Holmium Laser for Non-high-Risk Patients with Symptomatic Gallbladder Stones https://doi.org/10.5455/medarh.2022.76.29-33 | 6 | | Med Arch ISSN: 0188-4409 | Scopus: Q1, ISI, SCIE, PubMed, CS:12.5 (2023) | | 76,1, 29-33 | 02/2022 |
| 51 | Percutaneous embolization of hepatic lymphorrhea post-hepatectomy https://doi.org/10.1016/j.radcr.2021.11.070 | 8 | | Radiology Case Reports ISSN: 1930-0433 | Scopus: Q4, PubMed, CS: 1.1 (2023) | | 17,3, 549-552 | 12/2021 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|--|--|---|--|------------------|---------|
| 52 | Endovascular treatment of ruptured blister-like aneurysms: A case report and review of the literature https://doi.org/10.1016/j.radcr.2021.09.018 | 5 | | Radiology Case Reports ISSN: 1930-0433 | Scopus: Q4, PubMed, CS: 1.1 (2023) | | 16,12, 3790-3793 | 12/2021 |
| 53 | Combination of lymph node embolization and musculocutaneous flap operation for managing groin lymphorrhea https://doi.org/10.3400/avd.cr.21-00036 | 6 | | Annals of Vascular Diseases ISSN: 1881-641X | ISI, ESCI, PubMed, IF: 0.6 (2023) | | 14,3, 267-269 | 09/2021 |
| 54 | Percutaneous sclerosing injection to the thoracic duct under CT guidance for cervical chylous leakage post thyroidectomy: A case report https://doi.org/10.1016/j.radcr.2021.06.054 | 6 | | Radiology Case Reports ISSN: 1930-0433 | Scopus: Q4, PubMed, CS: 1.1 (2023) | | 16,9, 2687-2691 | 09/2021 |
| 55 | A case report of pericallosal aneurysm successfully treated with flow diverter stents https://doi.org/10.1016/j.radcr.2021.05.063 | 8 | | Radiology Case Reports ISSN: 1930-0433 | Scopus: Q4, PubMed, CS: 1.1 (2023) | | 16,9, 2447-2449 | 09/2021 |
| 56 | Emergency embolization for breast pseudoaneurysm following vacuum-assisted biopsy: a case report https://doi.org/10.11604/pamj.2021.38.135.27619 | 6 | | Pan African Medical Journal ISSN: 1937-8688 | Scopus: Q3, ISI, ESCI, PubMed, CS: 1.8 (2023) | | 38,135, 1-5 | 02/2021 |

| | | | | | | | | |
|---|--|----|---|---|---|--|------------------------|---------|
| 57 | Use of Mini-Percutaneous Nephrolithotomy Technique to Remove Extra-Peritoneal Foreign Bodies https://doi.org/10.12659/AJCR.929731 | 8 | | American Journal of Case Reports ISSN: 1941-5923 | Scopus: Q3, ISI, ESCI, PubMed, CS: 1.8 (2023) | | 22,e929 731,1-6 | 2/2021 |
| 58 | Intrahepatic lymphatic channel sclerotic embolization for treatment of postoperative lymphatic ascites: a report of 3 cases https://doi.org/10.1016/j.radcr.2020.09.009 | 10 | | Radiology Case Reports ISSN: 1930-0433 | Scopus: Q4, PubMed, CS: 1.1 (2023) | | 15,11,23 53-2357 | 11/2020 |
| 59 | Interstitial Lymphatic Embolization with Balloon Assistance for Treatment of Chyluria https://doi.org/10.1016/j.jvir.2019.09.025 | 8 | | Journal of Vascular and Interventional Radiology ISSN: 1051-0443 | Scopus:Q1, ISI, SCIE, PubMed, CS: 4.3 (2023) | | 31,3,523 -526 | 06/2020 |
| 60 | Flow diverter stent for treatment of cerebral aneurysms: A report of 130 patients with 134 aneurysms https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2020.e03356 | 11 | | Heliyon ISSN: 2405-8440 | Scopus: Q1, ISI, SCIE, PubMed, CS: 4.5 (2023) | | 6,2, e03356, 1-6 | 02/2020 |
| 61 | A 24-Year-Old Man With Recurrent Hemoptysis https://doi.org/10.1016/j.chest.2019.08.2184 | 9 | | CHEST ISSN: 0012-3692 | Scopus: Q1, ISI, SCIE, PubMed, CS: 13.7 (2023) | | 157,2,31 -35 | 02/2020 |
| Các bài báo đăng trên tạp chí trong nước | | | | | | | | |
| 62 | Hiệu quả và an toàn của kỹ thuật hút u vú có hỗ trợ áp lực âm | 2 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam | | | Tập 539, số 3, | 06/2024 |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|---|--|--|--|------------------------------|---------|
| | dưới hướng dẫn siêu âm trong chẩn đoán và điều trị tổn thương vú lành tính https://doi.org/10.51298/vmj.v539i3.10155 | | | ISSN:1859-1868 | | | trang 363-367 | |
| 63 | Đánh giá tương quan giữa hẹp đường mật và tỷ lệ tái phát sỏi ở bệnh nhân sau tán sỏi đường mật trong và ngoài gan qua da bằng laser https://doi.org/10.51298/vmj.v533i2.7951 | 3 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 533, số 2, trang 203-207 | 12/2023 |
| 64 | Đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị can thiệp nút bạch mạch rò dưỡng chấp màng phổi https://doi.org/10.51298/vmj.v533i2.7912 | 2 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 533, số 2, trang 54-57 | 12/2023 |
| 65 | Một số yếu tố ảnh hưởng tỷ lệ tái phát sỏi sau tán sỏi đường mật trong và ngoài gan qua da bằng laser giai đoạn sau hai năm https://doi.org/10.51298/vmj.v533i1.7707 | 2 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | | Tập 533, số 1, trang 52-56 | 12/2023 |
| 66 | Mô tả hiệu quả điều trị và các biến chứng sớm của kỹ thuật tán sỏi mật qua da qua nhu mô gan bằng Laser Holmium dưới hướng dẫn của fluoroscopy https://www.doi.org/10.34071/jmp.2023.7.25 | 2 | ✓ | Tạp chí Y dược Huế ISSN: 1859-3836 | | | Tập 13, số 7, trang 183-189 | 12/2023 |
| 67 | Điều trị hẹp đường mật lành tính khu trú bằng phương pháp nội soi đường mật xuyên | 3 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam | | | Tập 532, số 1B, trang 23-27 | 11/2023 |

| | | | | | | | |
|----|---|---|---|--|--|------------------------------|---------|
| | gan qua da ứng dụng LASER Thulium https://doi.org/10.51298/vmj.v532i1B.7436 | | | ISSN:1859-1868 | | | |
| 68 | Kết quả phương pháp sinh thiết trong lòng đường mật qua da ở bệnh nhân nghi ngờ ung thư đường mật tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội https://doi.org/10.51298/vmj.v532i1B.7443 | 3 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | Tập 532, số 1B, trang 49-54 | 11/2023 |
| 69 | Kết quả ban đầu điều trị rò dưỡng chấp do tổn thương ống ngực bằng can thiệp qua da https://doi.org/10.52852/tencyh.v171i10.1984 | 2 | ✓ | Tạp chí nghiên cứu y học trường Đại học Y Hà Nội ISSN:2354-080X | | Tập 171, số 10, trang 1-8 | 11/2023 |
| 70 | Kết quả bước đầu nút tắc ống ngực điều trị rò dưỡng chấp khoang màng phổi sau phẫu thuật các tạng trong lòng ngực https://doi.org/10.52389/ydls.v18i6.2027 | 4 | | Tạp chí Y dược lâm sàng 108 ISSN: 1859 - 2872 | | Tập 18, số 6, trang 120-127 | 07/2023 |
| 71 | Đánh giá kết quả nút mạch tiên phẫu các khối u tăng sinh mạch của vùng đầu mặt cổ https://doi.org/10.51298/vmj.v524i2.4884 | 3 | | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | Tập 524, số 2, trang 314-318 | 03/2023 |
| 72 | Vai trò của sinh thiết màng hoạt dịch dưới hướng dẫn siêu âm trong chẩn đoán một số bệnh lý khớp thường gặp | 6 | | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | Tập 522, số 2, trang 130-134 | 01/2023 |

| | | | | | | | |
|----|--|---|---|--|--|-------------------------------|---------|
| | https://doi.org/10.51298/vmj.v522i2.4332 | | | | | | |
| 73 | Đánh giá kết quả bước đầu điều trị dị dạng tĩnh mạch vùng đầu mặt cổ bằng tiêm cồn tuyệt đối dưới hướng dẫn của DSA https://doi.org/10.52852/tcncyh.v159i11.1262 | 3 | | Tạp chí nghiên cứu y học trường Đại học Y Hà Nội ISSN:2354-080X | | Tập 159, số 11, trang 73-82 | 11/2022 |
| 74 | Nhận xét sự an toàn của dẫn lưu bể thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm và DSA ở bệnh nhân tắc nghẽn đường bài xuất cao | 3 | | Tạp Chí Điện Quang & Y học hạt nhân Việt Nam ISSN: 1859-4832 | | Số 49, trang 40-46 | 11/2022 |
| 75 | Kết quả sinh thiết màng hoạt dịch dưới hướng dẫn siêu âm trong chẩn đoán một số bệnh lý khớp thường gặp https://doi.org/10.52852/tcncyh.v159i11.1298 | 7 | | Tạp chí nghiên cứu y học trường Đại học Y Hà Nội ISSN:2354-080X | | Tập 159, số 11, trang 212-219 | 11/2022 |
| 76 | Đánh giá phương pháp dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm và DSA tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội https://doi.org/10.51298/vmj.v519i2.3646 | 3 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | Tập 519, số 2, trang 198-201 | 10/2022 |
| 77 | Đánh giá kết quả bước đầu điều trị dị dạng tĩnh mạch phần mềm bằng tiêm cồn | 3 | | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | Tập 518, số 2, trang 282-286 | 09/2022 |

| | | | | | | | |
|----|--|---|---|---|--|-------------------------------|---------|
| | tuyệt đối dưới hướng dẫn của DSA https://doi.org/10.51298/vmj.v518i2.3475 | | | | | | |
| 78 | Chẩn đoán và điều trị tràn dịch màng phổi tự phát https://doi.org/10.55046/vjrm.47.286.2022 | 3 | | Tạp Chí Điện Quang & Y học hạt nhân Việt Nam ISSN: 1859-4832 | | Số 47, trang 50-56 | 06/2022 |
| 79 | Can thiệp qua da loại bỏ xương cá trong ổ áp xe gan: Báo cáo ca lâm sàng https://doi.org/10.51298/vmj.v515i1.2690 | 4 | ✓ | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | Tập 515, số 1, trang 128-130 | 06/2022 |
| 80 | Đánh giá giá trị của kỹ thuật chụp bạch mạch trung tâm số hóa xóa nền qua hạch bẹn https://doi.org/10.55046/vjrm.45.62.2021 | 5 | | Tạp Chí Điện Quang & Y học hạt nhân Việt Nam ISSN: 1859-4832 | | Số 45, trang 11-16 | 12/2021 |
| 81 | Đánh giá kết quả nút tắc ống ngực điều trị biến chứng rò dưỡng chấp sau mổ ung thư tuyến giáp https://doi.org/10.52852/tencyh.v147i11.491 | 6 | | Tạp chí nghiên cứu y học trường Đại học Y Hà Nội ISSN: 2354-080X | | Tập 147, số 11, trang 245-252 | 12/2021 |
| 82 | Đánh giá kết quả giảm đau của phương pháp gây tê khoang cơ dựng gai dưới hướng | 4 | | Tạp chí Y học Việt Nam | | Tập 494, số 2, trang 143-146 | 09/2020 |

| | | | | | | | |
|----|--|---|--|--|--|------------------------------|---------|
| | dẫn của siêu âm ở bệnh nhân tán sỏi mật qua da | | | ISSN:1859-1868 | | | |
| 83 | Đánh giá kết quả của kỹ thuật sinh thiết xuyên thành nốt đơn độc ở phổi dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính | 6 | | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | Tập 494, số 2, trang 132-136 | 09/2020 |
| 84 | Đánh giá kết quả của phương pháp tiêm nong thần kinh giữa bằng corticoid dưới hướng dẫn của siêu âm trong điều trị hội chứng ống cổ tay | 4 | | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | Tập 494, số 1, trang 249-252 | 09/2020 |
| 85 | Đánh giá kết quả sinh thiết đích có định hướng cộng hưởng từ trong chẩn đoán ung thư tuyến tiền liệt | 3 | | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | Tập 493, số 2, trang 169-173 | 08/2020 |
| 86 | Đánh giá kết quả nút mạch điều trị đái máu sau tán sỏi thận qua da sử dụng đường hầm nhỏ tại bệnh viện Đại học Y Hà Nội | 6 | | Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663 | | Số 3 (1129), trang 90-93 | 03/2020 |
| 87 | Đánh giá kết quả nong khớp vai bằng bơm nước muối sinh lý phối hợp với steroid dưới hướng dẫn siêu âm trong điều trị bệnh đông cứng khớp vai | 5 | | Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868 | | Tập 481, số 1, trang 11-14 | 08/2019 |
| 88 | Đánh giá kết quả điều trị dị dạng động tĩnh mạch não vỡ bằng phối hợp hai phương pháp: nút mạch và phẫu thuật. | 7 | | Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663 | | Số 6 (1100), 54-56 | 06/2019 |

| | | | | | | | | |
|--|---|----|---|---|---|--|-----------------------------|---------|
| 89 | Đánh giá hiệu quả của phương pháp tiêm cồn tuyệt đối liều thấp dưới hướng dẫn của chụp mạch kỹ thuật số xoá nền trong điều trị đau dây thần kinh số V | 5 | | Tạp chí y học thực hành ISSN: 1859-1663 | | | Số 6 (1100), trang 46-50 | 06/2019 |
| Hướng nghiên cứu 3: Nghiên cứu phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong chẩn đoán hình ảnh. | | | | | | | | |
| Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ | | | | | | | | |
| Các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế | | | | | | | | |
| 90 | Transfer learning for deep neural networks-based classification of breast cancer X-ray images https://doi.org/10.1080/21681163.2023.2275708 | 6 | ✓ | Computer methods in biomechanics and biomedical engineering: Imaging & visualization ISSN: 2168-1163 | Scopus: Q2, ISI, ESCI, CS: 2.8 (2023) | | 12, 1, 1-11 | 10/2023 |
| 91 | VinDr-Mammo: A large scale benchmark dataset for computer-aided diagnosis in full-field digital mammography https://doi.org/10.1038/s41597-023-02100-7 | 7 | | Scientific Data ISSN: 20524463 | Scopus: Q1, ISI, SCIE, PubMed, CS: 11.2 (2023) | | 10, 277, 1-8 | 5/2023 |
| 92 | Convolutional Neural Networks Improve Radiologists' Performance in Breast Cancer Screening for Vietnamese patients https://doi.org/10.1080/08839514.2022.2151185 | 17 | | Applied artificial intelligence ISSN: 1087-6545 | Scopus: Q3, ISI, SCIE, CS: 5.2 (2023) | | 36, 1, 3853-3872 | 11/2022 |
| 93 | An Accurate and Explainable Deep Learning System Improves Interobserver | 5 | | IEEE Access ISSN: 2169-3536 | Scopus: Q1, ISI, SCIE, CS: 9.8 | | 10, 104512-104531 | 10/2022 |

| | | | | | | | |
|---|--|---|--|---|--|--|---------------------------------------|
| | Agreement in the Interpretation of Chest Radiograph https://doi.org/10.1109/ACCESS.2022.3210468 | | | | | | |
| Các bài báo đăng trên tạp chí trong nước | | | | | | | |
| 94 | Vai trò của ứng dụng trí tuệ nhân tạo VinDr trong dự báo nguy cơ ác tính của nốt phổi đơn độc https://doi.org/10.52852/tcncyh.v165i4.148 <u>0</u> | 5 | | Tạp chí nghiên cứu y học trường Đại học Y Hà Nội ISSN: 2354-080X | | | Tập 165, số 4, trang 17-24 04/2023 |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **8 bài theo số thứ tự 12, 13, 15, 16, 17, 18, 40, 90.**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

| T T | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|--------|---------------------------------|------------|------------------|---|---|----------------|--------------------|
| I | Trước khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|----|--|-----------------|--------------------|-----------------------------|------------|
| 1 | | | | | |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----|--|---------------------------|--|----------------------------------|------------|
| 1 | | | | | |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|----|---|--------------------------------|--|------------------------------------|---------------------------------|---------|
| 1 | | | | | | |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Tuấn Linh